

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2024/HS-ST**

Ngày: 16/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hoàng Phúc.

2/ Ông Trương Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1991; tại tỉnh Bến Tre; Nơi thường trú: 128C, Khu phố C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Nơi ở hiện tại: Khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Sửa chữa điện thoại di động; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị Thúy N (đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thúy A và có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017.

- Tiền án: 03.

+ Năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 10/4/2015. Chưa được xóa án tích.

+ Năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 08/5/2019. Chưa được xóa án tích.

+ Năm 2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà

Rịa – Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án là 24 tháng tù. Đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 08/5/2021. Chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

- + Năm 2009, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 04/10/2012. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/10/2023 cho đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Lâm T1, sinh năm: 1989; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: 293/8, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị H; Bị cáo chưa có vợ và con.

- Tiền án: 01.

- + Năm 2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 05 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 05/11/2022. Chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

- + Ngày 26/4/2013, bị Công an xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.500.000đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác.

- + Năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 18 tháng. Đã được xóa án tích.

- + Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 09/3/2014. Đã được xóa án tích.

- + Năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 04/4/2016. Đã được xóa án tích.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh B theo bản án hình sự phúc thẩm số 90/2023/HS-PT ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại:

Hồ Văn T2, sinh năm 1996;
Nơi thường trú: Tổ C, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;
Nơi ở hiện tại: Ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Kim L, sinh năm 1944;
Nơi cư trú: 94E, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)
2. Nguyễn Phan Ngọc T3, sinh năm 1996;
Nơi cư trú: 449, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)
3. Từ Văn M, sinh năm 1982;
Nơi cư trú: Ấp F, thị trấn G, huyện G1, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 02/5/2023, Nguyễn Thanh S đang ở nhà vợ tại khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre thì Nguyễn Lâm T1 gọi điện thoại nhờ S lấy xe lên khu vực vòng xoay P chở T1 về nhà dùm. Lúc này, S lấy xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ, biển số 71B2-924.00 của S để đi rước T1 rồi cả hai cùng đi uống cà phê. Trong lúc uống cà phê, T1 nói kết tiền và nhờ S giúp đỡ. S nhớ lại tại cơ sở thờ tự của ông Hồ Văn T2 thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre có một chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Future FI, màu xanh xám, biển số 71B3-567.90 thường đậu ở nhà kho nên nảy sinh ý định trộm tài sản, S rủ T1 đến lấy trộm chiếc xe này và được T1 đồng ý, mục đích để bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 5 giờ cùng ngày, S chở T1 đến cơ sở thờ tự trên, đến nơi S đậu xe ở ngoài đường phía trước nhà ông T2 rồi cả hai đi thẳng vào trong nhà kho thấy xe mô tô biển số 71B3-567.90 đang dựng được khóa bằng dây khóa ở bánh sau, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa. S lục tìm xung quanh thì phát hiện ở gần bàn uống trà trong nhà kho có một chiếc kìm cắt, loại nhỏ, cầm tay, sử dụng trong nhà nên lấy đưa cho T1 cắt dây khoá, cắt khoảng 05 phút thì đứt vòng khóa, T1 đi bộ ra trước còn S lấy theo cây kìm cắt và dẫn xe mô tô biển số 71B3-567.90 đi ra khỏi cơ sở thờ tự của ông T2. Khi ra đến bên ngoài, S điều khiển xe mô tô biển số 71B3-567.90 vừa trộm được chạy trước, sau đó S vứt chiếc kìm sắt dùng để cắt dây khóa ở dọc đường, T1 điều khiển xe của S chạy theo sau. Đến vòng xoay G, T1 kêu S đưa xe mô tô biển số 71B3-567.90 cho T1 chạy đi tìm chỗ bán, còn S chạy xe mô tô biển số 71B2-924.00 của S về nhà. T1 đem xe vừa trộm được cầm cho một người tên “Thái” ở xã T, huyện C được số tiền 4.000.000đồng, hiện tại không thu hồi được xe. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T1 gọi điện thoại cho S nói đã bán được xe vừa lấy trộm nên kêu S qua

nhà T1 để cùng sử dụng số tiền bán xe. S được chia số tiền 1.000.000đồng, số tiền 3.000.000đồng còn lại cả hai sử dụng tiêu xài chung và đã tiêu xài hết, đến ngày 01/6/2023 thì bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) sợi dây xích màu đen, dùng để khóa xe, dài 75cm, đường kính 1,5cm, vỏ bằng nhựa, ruột bằng kim loại, một đầu dây có vết cắt, đầu còn lại gắn với ổ khóa có chữ TONYON^R; trên đầu ổ khóa có một đoạn dây khóa dài 1,2cm đầu dây có vết cắt. Đây là khóa dây của ông Hồ Văn T2 dùng để khóa xe mô tô biển số 71B3-567.90 đã bị cắt đứt.

+ 01 (một) nón kết màu trắng, bên trong có chữ “NONSON”; 01 (một) áo vải dài tay màu xanh rêu, trong cổ áo có chữ “L MADE IN VIETNAM”. Đây là nón và áo của S mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 958/KL-HĐĐG ngày 30/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Future FI, màu xanh xám, biển số 71B3-567.90, được mua vào tháng 5/2018 với giá 39.540.000đồng có giá trị là 19.777.000đồng. Hiện tài sản không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 1877/KL-HĐĐG ngày 13/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: một kim cắt bằng kim loại, loại nhỏ cầm tay, sử dụng trong nhà, tay cầm được bọc nhựa màu đỏ-đen, không có in nhãn hiệu, được mua vào năm 2020 với giá 50.000đồng, do không rõ nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ và tài sản chưa thu hồi được nên không đủ cơ sở để xác định giá trị tài sản. Hiện tài sản không thu hồi được.

Quá trình điều tra, S và T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với xe mô tô biển số 71B2-924.00 S sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản hiện S đã bán cho một người khác, không rõ họ tên, địa chỉ.

Cáo trạng số: 05/CT-VKSCT ngày 07/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Lâm T1 về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh S, Nguyễn Lâm T1 phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lâm T1 từ 09 tháng đến 15 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Lâm T1.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại không yêu cầu các bị cáo S và T1 bồi thường thiệt hại.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Trả lại cho bị hại Hồ Văn T2: 01 sợi dây xích màu đen, dùng để khóa xe, dài 75cm, đường kính 1,5cm, vỏ bằng nhựa, ruột bằng kim loại, một đầu dây có vết cắt, đầu còn lại gắn với ổ khóa có chữ TONYON^R; trên đầu ổ khóa có một đoạn dây khóa dài 1,2cm đầu dây có vết cắt.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 nón kết màu trắng, bên trong có chữ “NONSON”; 01 áo vải dài tay màu xanh rêu, trong cổ áo có chữ “L MADE IN VIETNAM” do bị cáo S mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và không còn giá trị sử dụng.

- Tách hành vi có dấu hiệu tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Nguyễn Phan Ngọc T3 để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, đồng thời tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người này

đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô hiệu Honda, loại Future FI, màu xanh xám, biển số 71B3-567.90, quá trình điều tra xác minh được xe do ông Nguyễn Kim L đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, ông Nguyễn Kim L xác định xe là tài sản của ông Hồ Văn T2 do ông T2 mua và sử dụng nhờ ông đứng tên dùm. Ông T2 cũng xác định xe là tài sản của ông. Lời khai của ông L và ông T2 là phù hợp nhau nên có căn cứ khẳng định xe mô tô biển số 71B3-567.90 là tài sản của ông Hồ Văn T2. Qua đó xác định ông Hồ Văn T2 là bị hại trong vụ án này. Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại về vị trí, thời gian và đặc điểm tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, vào khoảng 05 giờ ngày 02/5/2023, tại cơ sở thờ tự của ông Hồ Văn T2 tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Lâm T1 đã có hành vi lén lút lấy trộm một xe mô tô hiệu Honda, loại Future FI, màu xanh xám, biển số 71B3-567.90 của ông T2 trị giá 19.777.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản, các bị cáo đã tiếp cận, lén lút lấy trộm tài sản và nhanh chóng tẩu thoát nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 19.777.000 đồng. Đối với bị cáo Nguyễn Lâm T1, năm 2019, bị cáo đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và năm 2023 bị cáo đã bị kết án về tội cướp tài sản; tuy nhiên do hành vi bị xét xử tại bản án năm 2023 có sau hành vi phạm tội của bản án này nên không được xác định là tình tiết “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Lâm T1 đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo Nguyễn Thanh S, bị cáo có nhiều tiền án, trong năm 2015 và năm 2018, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre kết án về tội trộm cắp tài sản; năm 2019, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi

phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh S đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo T1, năm 2019 bị cáo T1 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre kết án về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp “Tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo S có 02 người con chưa thành niên là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải bị xử lý theo chế định đồng phạm. Giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, lên kế hoạch, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và bản tính xem thường pháp luật của các bị cáo, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo là ngang nhau nên khi lượng hình cần căn cứ vào nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Mặc dù các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bản thân các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, bị cáo S đã có nhiều tiền án, lần phạm tội này bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm”; bị cáo T1 đã có 01 tiền án, lần phạm tội này bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”. Do đó, hình phạt của bị cáo S phải cao hơn so với bị cáo T1.

Bị cáo T1 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 08 (T4) năm tù về “Tội cướp tài sản”, tại bản án hình sự phúc thẩm số 90/2023/HS-PT ngày 12/12/2023. Vì vậy, phải tổng hợp hình phạt của lần xét xử này theo quy định tại

Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại Hồ Văn T2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại giá trị tài sản bị lấy trộm là 01 xe mô tô biển số 71B3-567.90 số tiền là 19.777.000đồng theo kết luận định giá tài sản. Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 15/01/2024 của bị hại Hồ Văn T2, bị hại xác định không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 sợi dây xích màu đen dùng để khóa xe, dài 75cm, đường kính 1,5cm, vỏ bằng nhựa, ruột bằng kim loại, một đầu dây có vết cắt, đầu còn lại gắn với ổ khóa có chữ TONYON^R; trên đầu ổ khóa có một đoạn dây khóa dài 1,2cm đầu dây có vết cắt. Đây là khóa dây của ông Hồ Văn T2 dùng để khóa xe mô tô biển số 71B3-567.90 đã bị cắt đứt, là tài sản của ông T2 nên trả lại cho ông T2.

+ Đối với 01 nón kết màu trắng, bên trong có chữ “NONSON”; 01 (một) áo vải dài tay màu xanh rêu, trong cổ áo có chữ “L MADE IN VIETNAM”. Đây là nón và áo của bị cáo S mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[10] Đối với hành vi của Nguyễn Phan Ngọc T3: Bị cáo T1 khai nhận đã cầm xe mô tô biển số 71B3-567.90 do lấy trộm của bị hại cho Nguyễn Phan Ngọc T3 với giá 4.000.000đồng, tuy nhiên qua làm việc T3 không thừa nhận hành vi cầm xe. Hành vi của T3 có dấu hiệu tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng quá trình điều tra xác minh T3 không có mặt tại địa phương nên không tiếp tục làm việc được, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành tách hành vi có dấu hiệu của “tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[11] Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ, biển số 71B2-924.00: Kết quả xác minh thể hiện ông Từ Văn M1 đứng tên chủ sở hữu chiếc xe. Qua làm việc, ông M1 cho biết đã bán xe này cho một người (không rõ họ tên, địa chỉ) vào năm 2020 nhưng chưa sang tên, ông không có yêu cầu gì đối với xe này. Lời khai của bị cáo S cũng xác định xe là tài sản của bị cáo mua nhưng chưa sang tên, do đó có căn cứ xác định xe mô tô biển số 71B2-924.00 là tài sản của bị cáo S. Đây là chiếc xe mà các bị cáo dùng làm phương tiện di chuyển trong quá trình các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, bị cáo S khai nhận đã bán xe này cho một người khác (không rõ họ tên, địa chỉ)

vào giữa tháng 5/2023, không làm thủ tục sang tên, do đó hiện tại không có cơ sở để thu hồi nên không xử lý được.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thanh S, Nguyễn Lâm T1** phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

[1] *Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S **02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2023.

[2] *Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58, 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lâm T1 **01 (Một) năm tù.**

Tổng hợp hình phạt **08 (T4) năm tù** về “*Tội cướp tài sản*”, tại bản án hình sự phúc thẩm số 90/2023/HS-PT ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Nguyễn Lâm T1 chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là **09 (C) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2023.

[3] *Trách nhiệm dân sự:*

Ghi nhận bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị tài sản bị lấy trộm là xe mô tô biển số 71B3-567.90 và kim cắt bằng kim loại và không có yêu cầu gì khác.

[4] *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị hại Hồ Văn T2:

+ 01 (một) sợi dây xích màu đen, dùng để khóa xe, dài 75cm, đường kính 1,5cm, vỏ bằng nhựa, ruột bằng kim loại, một đầu dây có vết cắt, đầu còn lại gắn với ổ khóa có chữ TONYON^R; trên đầu ổ khóa có một đoạn dây khóa dài 1,2cm đầu dây có vết cắt.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) nón kết màu trắng, bên trong có chữ “NONSON”;

+ 01 (một) áo vải dài tay màu xanh rêu, trong cổ áo có chữ “L MADE IN VIETNAM”.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện C, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre)

[5] *Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Lâm T1 có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND T.Bến Tre;
- VKSND T.Bến Tre;
- Cơ quan THAHS CA T.Bến Tre;
- Sở Tư pháp T.Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Công an H.Châu Thành;
- Bộ phận HS CA H.Châu Thành;
- UBND T.T Mỏ Cày, H.Mỏ Cày Nam;
- UBND xã Qưới Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Triều